

**TỔNG CÔNG TY BDATHH MIỀN BẮC  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số: 480 /CTHTHHKV VI-TCKT

V/v: kê khai giá dịch vụ HTHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Cục Hàng hải Việt Nam.

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Thực hiện Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải khu vực VI gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ HTHH (đính kèm).

Mức kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2023.

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải khu vực VI xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục HHVN (để b/c);
- TCT BDATHH miền Bắc (để b/c);
- Trang Tublic;
- Lưu: VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Đức Bẩy

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Nguyễn Thị Hương
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 41, đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 0238.355 2305; 0238.3552306; Mrs. Hương: 0912.690.133
- Email: [congyhoatieukv6@gmail.com](mailto:congyhoatieukv6@gmail.com)
- Fax: 0238.0520 311.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: [pilotco6.com](http://pilotco6.com)

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá  
của cơ quan tiếp nhận**

*(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm  
nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*

## BẢNG KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo văn bản số: 480/CTHTHHKV VI-TCKT ngày 30/12/2022  
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng khu vực VI)

### 1 Mức kê khai giá

Các mức giá tại Bảng kê khai giá này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng khác 10% thì giá dịch vụ phải trả bằng giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng cộng với mức thuế giá trị gia tăng phải nộp.

#### 1.1. Dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (giá đã bao gồm VAT)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Cửa Hội-Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh).		Đồng/GT/HL	58.32	66,00	7,68	13	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 550.000 đồng/1 lượt dẫn
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền đi chuyên trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý		Đồng/GT	58.32	66,00	7,68	13	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 330.000 đồng/ 1 lượt đi chuyên
3	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Lệ Môn, bến phao SPM (tỉnh Thanh Hóa); Cửa Gianh, Hòn La (tỉnh Quảng Bình); Cửa Việt (tỉnh Quảng Trị).		Đồng/GT/HL	24,30	27,50	3,20	13	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 550.000 đồng/ 1 lượt dẫn

4	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại		Đồng/GT/HL	24,30	27,50	3,20	13	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 550.000 đồng/ 1 lượt dẫn
---	--	--	------------	-------	-------	------	----	---

Các quy định cụ thể:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 22.000 đồng/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 220.000 đồng/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê giá này;

c) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

d) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, trường hợp thuyền trưởng yêu cầu hoa tiêu ở lại trên tàu thì tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

e) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

f) Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

g) Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi khung giá áp dụng bằng 50% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này; đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đón trả hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đưa đón hoa tiêu không vượt quá 330.000 đồng/tàu/lượt;

i) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải tại khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu là 275.000 đồng/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

k) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực thì tổ chức hoa tiêu thu giá dịch vụ hoa tiêu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu theo quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này.

**1.2. Dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (giá đã bao gồm VAT)**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Hòn La (tỉnh Quảng Bình)		USD/GT/HL	0,00486	0.00495	0,00009	2	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 330USD/ 1 lượt dẫn
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá).		USD/1 lượt dẫn tàu	43,20	44,00	0,80	2	
3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền đi chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý		USD/GT	0,0162	0.0165	0,0003	2	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 110USD/ 1 lượt dẫn
4	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu : Lệ Môn, bến phao SPM (tỉnh Thanh Hóa); Cửa Hội-Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Cửa Gianh(tỉnh Quảng Bình); Cửa Việt (tỉnh Quảng Trị).		USD/GT/HL	0,00367	0.00374	0,00007	2	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 330USD/ 1 lượt dẫn
5	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại.		USD/GT/HL	0,00367	0.00374	0,00007	2	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 330USD/ 1 lượt dẫn

10823  
 NG T  
 EM H.  
 HANH  
 U HAI  
 VUC  
 T.N

6	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên thì áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau :	USD/GT/HL						Giá thấp nhất cho 1 tàu/ 1 lượt dẫn tàu: 330 USD
		- Đến 10 hải lý	0,00367	0.00374	0,00007	2		
		- Từ trên 10 hải lý đến 30 hải lý	0,00238	0.00242	0,00004	2		
		- Từ trên 30 hải lý	0,0162	0.00165	0,0003	2		

Các quy định cụ thể:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 11 USD/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 22 USD/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này;

c) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

d) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

đ) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì khung giá áp dụng bằng 150% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

e) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản này) thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

g) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng 330 USD/tàu/lượt dẫn;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 33 USD/tàu/lượt dẫn;

i) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 110 USD/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

k) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này nhưng không thấp hơn 330 USD;

l) Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 50% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này nhưng không thấp hơn 330 USD/

m) Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 40% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này nhưng không thấp hơn 330 USD;

n) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa theo quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

o) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, khung giá áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này.

## **2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá**

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại công văn số 6542/BGTVT-VT ngày 29/6/2022 và công văn số 1542/TCTBĐATHHMB-KTKH ngày 29/6/2022 của Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI đã thực hiện giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa từ tháng 7/2022 đến hết năm 2022. Đến nay, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI thực hiện kê khai giá theo Thông tư 54/2018/Tt-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 14 tháng 11 năm 2018 do: (I) Đã hết thời gian áp dụng giảm giá theo chỉ đạo của công văn số 6542/BGTVT-VT ngày 26/6/2022 của Bộ Giao thông vận tải; (II) Đã hết thời gian áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn giảm thuế.

CT  
Y  
HAN  
VI  
GH  
VI  
SHE

### 3. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

3.1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các két nước dẫn phân ly.

3.2. Đối với tàu thuyền chở khách, tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

3.3. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

- Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

- Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi khung giá áp dụng bằng 50% khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này; đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo khung giá quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

- Tàu thuyền vào, rời tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải; Tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu.

3.4. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

- Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê giá này nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 50% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 40% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa theo quy định tại Mục 1- Khoản 1.1 trong bảng kê khai giá này;

- Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng



mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, khung giá áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1- Khoản 1.2 trong bảng kê khai giá này.

- Tàu thuyền vào, rời tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải; Tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu.

**Mức kê khai giá này thực hiện từ ngày 01/01/2023.**

**GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Đức Bảy**



